

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI SÔNG CHU

Nguyễn Ngọc Sơn

Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội

Đỗ Văn Chính

Trưởng Đại học Thủy lợi

Tóm tắt: Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Sông Chu đang quản lý 73 hồ đập, 196 trạm bơm các loại (152 TB tưới, 31 TB tiêu, 13 TB tưới tiêu kết hợp), 03 âu thuyền, 2546 cống tưới tiêu lớn vừa và nhỏ, 343 hệ thống dẫn nước. Nguồn nước cung cấp phục vụ tưới chính cho vùng là sông Chu, sông Yên, Sông Lý, Sông Lê, Sông Hoàng, Sông Nhom. Trong những năm gần đây, công ty TNHH MTV Sông Chu đã tập trung chỉ đạo nâng cấp, quản lý các công trình thủy lợi theo hướng hiện đại hóa nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, tiết kiệm chi phí quản lý vận hành nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, cải thiện môi trường sinh thái và điều kiện sống của người dân. Tuy nhiên việc quản lý khai thác công trình thủy lợi vẫn còn chồng chéo, bất cập, chất lượng công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi chỉ mới tập trung cho đầu tư mà chưa coi trọng công tác duy tu, bảo dưỡng công trình. Bài báo này sẽ tập trung nêu giải pháp hoàn thiện công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi do công ty quản lý trong công tác duy tu, bảo dưỡng công trình.

Từ khóa: Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Công tác duy tu, bảo dưỡng, Thủy lợi Sông Chu

Summary: Song Chu Irrigation Management Company is managing 73 reservoirs and dams, 196 pumps of all kinds (152 irrigation pumping stations, 31 drainage pumping stations, 13 combined pumping stations), 03 boat locks, and 2546 small and medium sluices, 343 water delivery systems. The main water sources are Chu River, Yen River, Ly River, Le River, Hoang River, and Nhon River. In recent years, Song Chu Irrigation Management Company has focused on upgrading and management of irrigation works toward modernization approach for water conservation and cost saving. This aims at promoting agricultural production and improving the ecological environment and living conditions of the local people. However, management and operation of irrigation works are still overlapped and the irrigation management only focuses on investment without significant consideration on operation and maintenance. This article will focus on solutions to improving the performance of irrigation management of irrigation systems managed by the company.

Keywords: Irrigation management; maintenance, repair, River Chu irrigation system.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thanh Hóa là một tỉnh có diện tích lớn và có hệ thống mạng lưới thủy lợi rộng gồm 01 đơn vị sự nghiệp cấp bộ là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3 thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý hồ Cửa Đạt; có 03 doanh nghiệp gồm Công ty TNHH MTV Sông Chu, Công ty

TNHH MTV Bắc Sông Mã và Công ty TNHH MTV Nam Sông Mã thuộc UBND tỉnh quản lý 433 công trình thủy lợi đầu mối, phục vụ tưới, tiêu cho 234.000 ha, chiếm tỷ lệ 70% diện tích tưới toàn tỉnh.

Với chức năng và nhiệm vụ được giao, Công ty TNHH MTV Sông Chu (Thanh Hóa) đang quản

Ngày nhận bài: 03/10

Ngày thông qua phản biện: 21/10/2022

Ngày duyệt đăng: 28/11/2022

lý 73 hồ đập, 196 trạm bơm các loại, 03 âu thuyền, 2546 công tưới tiêu lớn vừa và nhỏ, 343 hệ thống dẫn nước [1]. Nguồn nước cung cấp phục vụ tưới chính cho vùng là sông Chu, sông Yên, Sông Lý, Sông Lê, Sông Hoàng, Sông Nhom. Trong thời gian qua, việc quản lý khai thác công trình thủy lợi hiệu quả đã góp phần ổn định sản xuất, giữ vững và nâng cao năng suất sản lượng cây trồng, xóa đói giảm nghèo, cải thiện môi trường và đời sống của người dân. Tuy nhiên việc quản lý khai thác công trình thủy lợi vẫn còn những chông chéo, bất cập, chất lượng công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi chỉ mới tập trung cho đầu tư mà chưa coi trọng công tác duy tu, bảo dưỡng công trình.

Để công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi đạt hiệu quả cao ngoài việc đầu tư xây mới, cần quan tâm hơn nữa trong việc quản lý công trình theo hướng hiện đại hóa, tiết kiệm chi phí, khắc phục tình trạng yếu kém trong quản lý, vận hành, quan tâm, giành kinh phí cần thiết cho công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình trong điều kiện ngân sách hạn hẹp đảm bảo tính hiệu quả, tránh lãng phí.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp hệ thống các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến công tác quản lý Khai thác công trình thủy lợi.

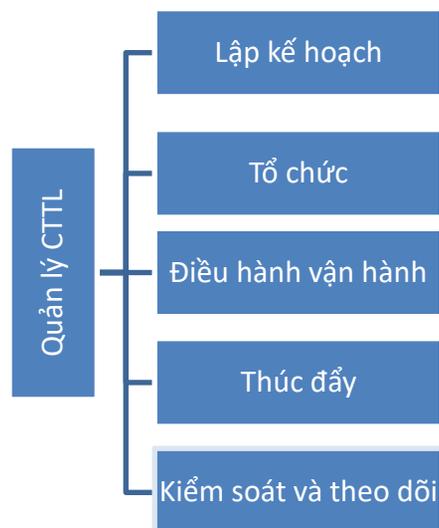
- Phương pháp thu nhập số liệu, so sánh, tổng hợp và phân tích.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng quan về quản lý công trình thủy lợi

3.1.1. Khái niệm quản lý công trình thủy lợi

Quản lý công trình thủy lợi: là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, điều hành hệ thống CTTL theo một quy hoạch phù hợp, bao gồm công tác kế hoạch hóa, điều hành bộ máy, quản lý điều hành, duy tu công trình, quản lý tài sản và tài chính và kiểm tra, kiểm soát các quá trình vận hành [2].



3.1.2. Nội dung quản lý công trình thủy lợi

Quản lý công trình bao [2] gồm nội dung chính sau đây:

- + Đo đạc, quan trắc, giám sát, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn công trình thủy lợi;
- + Quản lý, tổ chức thực hiện bảo trì, đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình, máy móc, thiết bị; cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- + Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai và phương án bảo vệ công trình thủy lợi;
- + Lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật về quản lý công trình thủy lợi.

3.1.3. Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý công trình thủy lợi

a. Tiêu chí phản ánh kết quả công tác quản lý công trình thủy lợi

Kết quả công tác quản lý CTTL được thể hiện thông qua nhiều chỉ tiêu như:

- + Mức độ hoàn thành kế hoạch do công tác quản lý đề ra như kế hoạch tưới tiêu, kế hoạch vận hành công trình, kế hoạch duy tu, sửa chữa, phân cấp quản lý.
- + Mức độ thực hiện kế hoạch đề ra theo số tương đối và số tuyệt đối.

+ Công tác lưu trữ hồ sơ phục vụ cho thanh tra, kiểm tra và báo cáo

b. Tiêu chí phản ánh hiệu quả công tác quản lý công trình thủy lợi

Đánh giá hiệu quả là chỉ tiêu tổng hợp, đối với công tác quản lý CTTL, thể hiện ở các tiêu chí sau:

+ Hiệu quả về mặt tổ chức bộ máy: thể hiện ở cơ cấu bộ máy, số lượng phòng ban và mối quan hệ liên kết giữa các phòng ban trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

+ Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở đơn vị đang thực hiện các nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi như phân tích làm rõ cơ cấu về độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp đào tạo, sự phù hợp công việc đang đảm nhiệm. Đồng thời cần thực hiện chuẩn hóa phân công theo chức danh đối với cán bộ công chức. Việc xác định chức danh cán bộ, công chức thực chất là phân công cán bộ, công chức theo vị trí lao động trong bộ máy và xác định trách nhiệm, thẩm quyền trước bộ máy và pháp luật. Vì vậy, ngay từ khâu tuyển dụng cán bộ cần phải thực hiện tuyển dụng theo đúng vị trí làm việc, tạo môi trường bình đẳng trong thi tuyển và xét tuyển để chọn lựa người phù hợp đáp ứng yêu cầu công việc. Trong thực tiễn xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất tốt, đủ năng lực thi ngành đó, đơn vị đó hoạt động hiệu quả. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức phải tiến hành chặt chẽ: đúng trình độ, năng lực cán bộ, công chức đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mà cán bộ đang yếu, đang thiếu.

+ Hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi: Chỉ tiêu này thể hiện hiệu quả tưới, tiêu và cung cấp nước cho các lĩnh vực cho xã hội. Trong lĩnh vực thủy lợi, hiệu quả lớn nhất có được là hiệu quả về mặt xã hội và môi trường. Hiệu quả xã hội thể hiện ở khía cạnh hoạt động công ích của công ty cung cấp nước tưới cho ngành nông nghiệp, thủy sản; nước sản xuất cho ngành công nghiệp và nước sinh hoạt cho xã hội. Hiệu quả

xã hội ở đây còn tính đến mức độ điều tiết lũ lụt, tiêu nước lũ, ngăn mặn, giữ ngọt,... giảm thiệt hại về người và tài sản cho cộng đồng, xã hội.

c. Tiêu chí phản ánh mức độ tác động của hoạt động quản lý công trình thủy lợi

Mức độ tác động của hoạt động quản lý được đánh giá thông qua các tiêu chí về:

+ *Hình thức tổ chức và quy mô hoạt động phù hợp*: Có quy mô, phạm vi hoạt động phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành công trình thủy lợi. Có Ban quản lý gồm: Chủ nhiệm, có hoặc không có các phó chủ nhiệm, kiểm soát, kế toán, thủ quỹ.

+ *Năng lực quản lý*: Ban quản lý có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý công trình thủy lợi. Các tổ kỹ thuật có đủ năng lực vận hành, bảo dưỡng công trình đầu mối. Các tổ thủy nông có đủ năng lực vận hành, bảo dưỡng hệ thống kênh nội đồng

+ *Các hoạt động thường xuyên*:

- Tổ chức họp trước và sau mỗi vụ sản xuất để báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm của từng vụ sản xuất và lập bản triển khai kế hoạch vụ tiếp theo.

- Tổ chức họp định kỳ để xây dựng, cập nhật bản đồ công trình và khu tưới; lập và thực hiện kế hoạch vận hành phân phối nước; lập và thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình; kế hoạch tài chính hàng vụ, hàng năm.

+ *Khả năng tự chủ tài chính*: Thực hiện quản lý tài chính theo nguyên tắc tự chủ, dân chủ, hàng năm công khai tài chính để người dùng nước biết và tham gia giám sát, kiểm tra; định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính.

3.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

a. Chính sách của chính phủ và nguồn ngân sách

Đây là một nhân tố vô cùng quan trọng, chính sách thủy lợi là một chính sách dài hạn, chính

sách thủy lợi đúng đắn thì sẽ đem lại hiệu quả và tác động tích cực đến vùng được đầu tư, và ngược lại một chính sách không phù hợp không những không mang lại hiệu quả mà nhiều lúc còn ảnh hưởng không tốt đến vùng được ban hành chính sách, ngoài ra còn gây lãng phí và thất thoát nguồn vốn của chính phủ.

b. Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý khai thác công trình thủy lợi

Trong bất kỳ lĩnh vực nào thì Nguồn nhân lực yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Nói đến nguồn nhân lực là nói đến trình độ, cơ cấu và sự đáp ứng của nguồn nhân lực với yêu cầu của thị trường lao động.

Lao động trong các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi gồm:

+ Lao động công nghệ: là những lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý và vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo quy trình công nghệ nhằm đảm bảo hệ thống công trình phát huy năng lực phục vụ tưới tiêu và cấp nước cho các các đối tượng dùng nước. Lao động công nghệ còn đảm nhiệm các công tác khác có liên quan để hệ thống công trình vận hành được an toàn và hiệu quả.

+ Lao động phụ trợ, phục vụ: là những lao động không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của quá trình công nghệ nhưng có nhiệm vụ phục vụ cho lao động công nghệ hoàn thành quá trình công nghệ sản xuất sản phẩm.

+ Lao động quản lý: là lao động của khối quản lý để quản lý và điều hành quá trình sản xuất của các đơn vị.

c. Nguồn lực tài chính phục vụ công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước được tổ chức theo loại hình công ty làm dịch vụ công

ích, nhưng vẫn theo hình thức phục vụ là chính. Công ty không được quyền định “giá bán” (đầu ra), nhà nước quy định theo mức thu thủy lợi phí, mức thu quy định thấp. Vì vậy, công trình hư hỏng, kể cả khi hư hỏng nhỏ, không được sửa chữa kịp thời, dẫn đến công trình xuống cấp, vận hành không an toàn, hiệu quả chưa cao, thu nhập của cán bộ, nhân viên thấp.

d. Sự vận dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác công trình thủy lợi

Đầu tư trang thiết bị khoa học công nghệ trong quản lý kỹ thuật công trình thủy lợi có ảnh hưởng lớn đến năng suất công trình và năng suất lao động. Tuy nhiên trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi công ty vẫn rất hạn chế, chưa được đầu tư quan tâm.

e. Nhận thức của người dân đối với việc quản lý khai thác công trình thủy lợi

Việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua các chương trình, phát thanh truyền hình, báo chí chuyển tải các thông tin cần thiết, các mô hình và những kinh nghiệm quản lý tốt, phổ biến các chính sách của nhà nước đã ban hành, nâng cao ý thức cộng đồng cùng với đó còn một số bộ phận người dân do nhận thức và ý thức còn kém đã dẫn tới những bất cập trong công tác quản lý các công trình thủy lợi.

3.2. Thực trạng công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Sông Chu

3.2.1. Đặc điểm nguồn nhân lực công ty

Công ty TNHH MTV Sông Chu là công ty chuyên về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên khắp các địa bàn tỉnh Thanh Hóa, nên số lượng công nhân viên của Công ty không tập trung mà phân tán ở các phòng ban, công trình công ty quản lý.

Bảng 1: Cơ cấu lao động theo chức năng [1]

Năm	Cơ cấu lao động	2019		2020		2021	
		Số LD (người)	Tỷ lệ (%)	Số LD (người)	Tỷ lệ (%)	Số LD (người)	Tỷ lệ (%)
Lao động gián tiếp	Cán bộ lãnh đạo	32	3,5	32	3,5	32	3,5
	Cán bộ quản lý	104	11,2	104	11,4	104	11,2
	Nhân viên văn phòng	66	7,2	63	6,9	66	7,1
	Lái xe, bảo vệ, tạp vụ	14	1,5	14	1,5	14	1,5
	Tổng	216	23,3	93	23,3	98	23,4
Lao động trực tiếp	Cán bộ kỹ thuật	176	18,9	175	19,1	176	19,0
	Công nhân thủy nông	253	27,3	249	27,2	252	27,2
	Công nhân vận hành	232	27,3	247	27,0	252	27,2
	Công nhân xây dựng	30	3,2	30	3,3	20	3,1
	Tổng	711	76,7	283	76,7	308	76,6
Tổng số lao động		927	100	914	100	925	100

Bảng 2: Trình độ chuyên môn của CBCNV công ty [1]

Trình độ chuyên môn	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Trên đại học	2	3	4
Đại học	225	230	243
Cao đẳng và Trung cấp	145	158	168
Công nhân kỹ thuật	555	523	510
Tổng	927	914	925

Qua số liệu ta thấy, số lượng cán bộ nhân viên của công ty qua các năm thay đổi không đáng kể. lực lượng lao động trực tiếp chiếm trên 76,7% tổng số lao động. Nguyên nhân chính là do đặc thù hoạt động chính của công ty là khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nên cần nhiều công nhân làm việc tại các công trình. Số lượng lao động gián tiếp gồm nhân viên khối văn phòng trực thuộc các phòng ban, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách. góp phần thúc đẩy phát triển chung của công ty.

3.2.2. Công tác phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi

Toàn tỉnh Thanh Hóa hiện có 2.524 công trình

thủy lợi đầu mối trong đó có 610 hồ chứa, 1.023 đập dâng, 891 trạm bơm phục vụ tưới tiêu chủ động cho hơn 151,7 nghìn ha lúa và các cây trồng hàng năm. Thực hiện Quyết định 36/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 [3] của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quyết định phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh. cụ thể như sau:

Bảng 3: Tiêu chí phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa [3]

TT	Hạng mục	Công ty quản lý	Địa phương quản lý
I	Quy mô CT		
1	Hồ chứa	$V \geq 500.000$ m ³ hoặc chiều cao đập $H \geq 12$ m, phạm vi liên xã	$V \leq 500.000$ m ³ hoặc H đập ≤ 12 m, phục vụ tưới trong phạm vi xã.
2	Đập dâng	H đập > 10 m, phục vụ tưới tiêu liên xã.	H đập ≤ 10 m, phục vụ tưới trong phạm vi xã.
3	Trạm bơm	Phục vụ phạm vi liên xã hoặc có F tưới tiêu > 100 ha đối với vùng đồng bằng, F tưới tiêu.	Phục vụ phạm vi xã, có F tưới tiêu ≤ 100 ha đối với vùng đồng bằng, F tưới tiêu ≤ 50 ha đối với vùng miền núi.

		> 50 ha đối vùng miền núi	
4	Kênh mương	Kênh loại I, loại II có yêu cầu kỹ thuật phức tạp	Từ cống đầu kênh đến mặt ruộng.
II	Quy mô cống đầu kênh		$F \leq 200$ ha

Với các chỉ tiêu phân cấp, hiện nay Công ty TNHH MTV Sông Chu đang quản lý 73 hồ đập, 196 trạm bơm các loại, 03 âu thuyền, 2546 cống tưới tiêu lớn vừa và nhỏ, 343 hệ thống dẫn nước.

3.2.3. Công tác duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi

Việc quản lý duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi được thực hiện thường xuyên và liên tục để công trình thủy lợi bảo đảm khả năng vận hành theo yêu cầu thiết kế. Doanh nghiệp nhà nước khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi. Công ty khai thác công trình thủy lợi thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình trạm bơm đầu mối, kênh mương tưới tiêu cấp 1, 2, còn trạm bơm nội đồng, kênh mương tưới, tiêu nội đồng cấp 3, cấp 4 thì phân cấp cho các hợp tác xã dùng nước đảm nhiệm.

3.2.4. Thanh tra, kiểm tra đối với việc bảo vệ, khai thác công trình thủy lợi

Theo phân cấp thì Thanh tra tỉnh sẽ thanh tra đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp kênh cấp I, II và các trạm bơm, hồ đập lớn do Công ty quản lý; Thanh tra ngành của Sở nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Thanh

Hóa tổ chức thanh tra đối với các vi phạm hành lang, bảo vệ công trình thủy lợi.

Bảng 4: Công tác thanh tra, kiểm tra các chi nhánh trực thuộc công ty quản lý

Nội dung	2019	2020	2021
- Số đợt thanh kiểm tra	6	8	7
- Số công trình được thanh tra	1	2	4
- Số vụ vi phạm về thủy lợi	6	8	5
- Hình thức xử lý			
+ Phạt hành chính	3	1	3
+ Cưỡng chế	1	5	2

Công tác thanh kiểm tra đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Qua thanh kiểm tra đã phát hiện những sai phạm liên quan đến chất lượng công trình, thất thoát vốn đầu tư và kịp thời kiến nghị các cấp chính quyền có biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi. Tuy nhiên thực tế khi thanh tra kiểm tra phát hiện có vi phạm thì việc xử lý còn khó khăn do liên quan đến thẩm quyền của chính quyền các địa phương. Công tác xử lý đối với các công trình vi phạm rất phức tạp do phải xử lý cưỡng chế, phá dỡ công trình vi phạm gây tổn kém cho nhà nước và thiệt hại tài sản của nhân dân.

3.2.5. Công tác tuyên truyền pháp luật về quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi

Việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi của các cấp, các ngành hiện nay được thông qua nhiều hình thức, trong đó có một số hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật chủ yếu sau:

+ Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

+ Phổ biến pháp luật thông qua tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ pháp luật về quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Sông Chu

3.3.1. Định hướng trong quản lý khai thác các công trình thủy lợi

Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng nước làm mục tiêu chính, ưu tiên xây dựng các hệ thống thủy lợi tiết kiệm nước, phát triển các tổ chức dùng nước của nông dân, của cộng đồng địa phương và của nhà đầu tư để bảo vệ, quản lý vận hành hiệu quả hệ thống thủy lợi và tiết kiệm nguồn nước, nâng hiệu suất sử dụng công suất thiết kế lên trên 90%. Tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, tăng năng lực phòng chống thiên tai. Để đạt được mục tiêu đó công ty tập trung vào 1 số định hướng sau:

- Củng cố hệ thống công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả sử dụng và cấp thoát nước cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi và nhận thức của người dân.

- Hoàn thiện công tác phân cấp quản lý khai thác hệ thống các công trình.

3.3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý công trình thủy lợi

a. Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi

+) Công ty cần chú trọng đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại cho toàn bộ đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong công ty, cán bộ kỹ thuật, cán bộ kế toán tài chính, quản lý nhân sự... với mục tiêu nâng cao chất lượng thực hành, đảm bảo cơ cấu phù hợp giữa các mặt hoạt động, giữa lao động gián tiếp và lao động trực tiếp, giữa hoạt động

sản xuất kinh doanh công ích và ngoài công ích. Công ty nên thực hiện tinh giảm số lượng lao động gián tiếp và bộ máy quản lý trong công ty.

- Đối với những người có đủ khả năng làm việc và còn trẻ thì Công ty nên bố trí sắp xếp thời gian đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho lực lượng lao động này sau và bổ sung vào đội ngũ lao động trực tiếp để tránh tình trạng nơi thiếu lao động, nơi thừa lao động.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu đào tạo với các nhà trường, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường dạy nghề nhằm bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, công nhân lao động quen với công nghệ mới và những thành tựu nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ và khả năng áp dụng thực tiễn công việc.

+) Đổi mới, đa dạng hóa các chương trình đào tạo và các loại hình đào tạo

- Tiếp tục duy trì phương pháp đào tạo kèm cặp chỉ bảo trong quá trình làm việc bởi vì phương pháp này rất phù hợp với đặc thù lĩnh vực hoạt động SXKT của công ty

- Thường xuyên mở các cuộc hội nghị, hội thảo để trao đổi kinh nghiệm giữa các cá nhân, tập thể ở các mức độ khác nhau từ công ty đến các cụm, trạm

- Đối với cán bộ quản lý chủ động tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức, văn bản mới cho cán bộ quản lý.

+) Tăng cường nguồn kinh phí và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác đào tạo

- Sử dụng một cách có kế hoạch nguồn chi cho công tác đào tạo từ Ngân sách nhà nước

- Bên cạnh nguồn kinh phí của công ty, huy động và kêu gọi đầu tư kinh phí cho đào tạo từ các tổ chức, cá nhân trong công ty.

b. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy công ty

- Tổ chức lại bộ máy quản lý, khai thác công trình thủy lợi từ tỉnh đến huyện, xã một cách chặt chẽ đáp ứng với chính sách thủy lợi phí

mới và phù hợp với lộ trình chuyển đổi doanh nghiệp, thực hiện đa dạng hóa và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Tăng cường năng lực cho Công ty, từng bước chuyển đổi căn bản phương thức hoạt động của Công ty, bảo đảm tự chủ về tài chính, tạo động lực để duy trì phát triển. Cải thiện dịch vụ cung cấp nước, sử dụng hiệu quả các nguồn lực chuyển dần từ phương thức “phục vụ” sang “cung cấp dịch vụ”.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế giao, khoán trong công tác quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi nhằm giảm chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả công trình thủy lợi, cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên thủy nông. Đặc biệt là cần đa dạng hóa mô hình quản lý, khai thác công trình thủy lợi ở các xã, thôn, xóm.

c. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Hoàn thiện việc phân cấp quản lý, phân công, phân quyền giữa các cơ quan quản lý khai thác công trình thủy lợi cho hoàn chỉnh, đồng bộ, rõ ràng. Xây dựng và thực hiện tốt các định mức kinh tế, kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi của các địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công trình thủy lợi.

- Tăng cường nguồn lực, phương tiện, trang thiết bị làm việc, thông tin cho các đơn vị quản lý thủy nông ở các cụm, trạm để nâng cao chất lượng quản lý khai thác công trình.

- Thực hiện giao khoán chi phí quản lý vận hành dựa trên cơ sở các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật hợp lý, nhằm triệt để tiết kiệm điện, nước, xăng, dầu, ngày công và chi phí quản lý. Tăng cường thực hiện cơ chế khoán trong công tác quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi.

- Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, khai thác và tưới tiêu khoa học. Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, công nhân

quản lý, khai thác công trình thủy lợi để đáp ứng với yêu cầu mới.

d. Giải pháp tăng cường thanh tra, kiểm tra

+ Với nhóm nguyên nhân là do sự thiếu hiểu biết về pháp luật thì tập trung vào các hoạt động tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân bằng các phương tiện thông tin đại chúng về Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: treo băng rôn khẩu hiệu, hình ảnh minh họa... giúp người dân nâng cao nhận thức về pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi từ đó ý thức và tự tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc, cây cối vi phạm.

+ Với nhóm nguyên nhân là biết nhưng cố tình vi phạm nhằm phục vụ lợi ích của cá nhân thì cùng với việc tăng cường công tác tuyên truyền, đơn vị còn tăng cường sự phối hợp với các địa phương có công trình vi phạm để tiến hành các bước vận động hộ gia đình, cá nhân có công trình tiến hành giải tỏa trả lại nguyên trạng. Đối với những trường hợp không tự nguyện chấp hành, cần phải kiên quyết triển khai các bước cưỡng chế, phối hợp với chính quyền địa phương để lập biên bản, đề nghị chính quyền giải tỏa, xử lý vi phạm phạt theo Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 [4] Quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều, phòng, chống lụt, bão.

+ Tăng cường tuần tra phát hiện vi phạm, lập biên bản các trường hợp vi phạm. Đồng thời phải có hình thức khuyến khích cộng đồng tự giám sát lẫn nhau, huy động cộng đồng hưởng lợi tham gia một cách tích cực và đầy đủ vào công tác quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi tạo nên sự bền vững và hiệu quả mà công trình đó mang lại.

e. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý khai thác

- Tiến hành xây dựng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ để đưa vào phục vụ nông nghiệp.

- Tổ chức hoàn thiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã có và hiện đang triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố thông qua việc gắn kết với viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ, từ đó lựa chọn mô hình phù hợp để chuyển giao qua mạng lưới liên kết 4 nhà (nhà nước, nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà nông).

- Đề xuất, đặt hàng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. tiếp nhận, chuyển giao, hợp tác trong quá trình triển khai áp dụng công nghệ.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị cao, thân thiện môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, trong thời gian qua công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi tại công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Sông Chu đã có những đóng góp quan trọng cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái. Một số cơ chế chính sách về quản lý, khai thác CTTL đã được công ty triển khai và áp dụng có hiệu quả: Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 về Khai thác &

bảo vệ CTTL, Nghị định số 143/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác & bảo vệ CTTL; Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 7/5/2007 về Quản lý an toàn đập; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa và một số thông tư trong công tác quản lý, khai thác & bảo vệ CTTL cũng như các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý vận hành...

Bên cạnh những kết quả đạt được, để phát huy có hiệu quả hơn nữa công tác quản lý khai thác CTTL do công ty quản lý cần chú trọng đến cơ chế chính sách, chú trọng đầu tư xây mới, đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; chú trọng phát triển và đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi đối với cán bộ của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay; tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo cơ chế thị trường chuyển từ hình thái phục vụ sang hình thái cung cấp dịch vụ; Cần có cơ chế khoán chi, ràng buộc quyền lợi, trách nhiệm đối với đơn vị được giao sử dụng vốn để thực hiện công việc; đẩy mạnh áp dụng công nghệ trong quản lý vận hành công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phòng hành chính – tổng hợp công ty TNHH MTV khai thác Thủy lợi Sông Chu;
- [2] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ban hành ngày 19/6/2017;
- [3] Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Quyết định 36/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về việc ban hành Quyết định phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh;
- [4] Chính phủ, Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão;
- [5] Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 10, Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

- [6] Chính phủ, Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
- [7] Chính phủ, Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 về quản lý an toàn đập;
- [8] Chính phủ, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều Luật Thủy lợi;
- [9] Chính phủ, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa.